Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 09

Vi Diệu Pháp — Siêu Lý Học (Giác Chánh)

Sieu Ly Hoc - Giac Chanh - 09

Trang gốc

Trang web BuddhaSasana

VU Times font

Siêu Lý Học

Tỳ kheo Giác Chánh

Lưu ý: Đọc với phông chữ VU Times (Viet-Pali Unicode)

[09]

225 - TỨ NIỆM XỨ (SATIPAṬṬHĀNA)

Lược Giải:

Satipaṭṭhāna hay niệm xứ là đề mục thiền quán. Niệm xứ có 4:

1- Thân Quán Niệm Xứ (Kāyānupassanāsatipa hānaṃ)

2- Thọ Quán Niệm Xứ (Vedanānupassanāsatipa hānaṃ)

3- Tâm Quán Niệm Xứ (Cittānupassanāsatipa hānaṃ)

4- Pháp Quán Niệm Xứ (Dhammānupassanāsatipa hānaṃ)

Tại sao Đức Phật thuyết Tứ Niệm Xứ mà không là tam Niệm Xứ hay ngũ Niệm Xứ?

- Đức Thế Tôn thuyết Tứ Niệm Xứ là vì có 3 nguyên do:

I - Vì thích hợp với 4 hạng người.

II - Để loại trừ 4 vọng tưởng.

III - Vì vừa đủ bao trùm các pháp.

226 - BỐN HẠNG NGƯỜI (PUGGALA)

Lược Giải:

Bốn hạng người ở đây là:

1- Hạng người Tuệ Yếu nặng về Tham dục.

2- Hạng người Tuệ mạnh nặng về Tham dục.

3- Hạng người Tuệ yếu thích Phân tích lý luận.

4- Hạng người Tuệ mạnh thích Phân tích lý luận.

- Đối với hạng người Tuệ yếu nặng về Tham dục, nhất là sắc dục thì đề mục "Thân Quán Niệm Xứ" sẽ thích hợp.

- Đối với hạng người Tuệ mạnh, nặng về Tham dục, nhất là nhục dục thì đề mục "Thọ Quán Niệm Xứ" sẽ thích hợp.

- Đối hạng người Tuệ yếu, thích Phân tích lý luận thì đề mục "Tâm Quán Niệm Xứ" sẽ thích hợp.

- Đối với người Tuệ mạnh thích Phân tích lý luận thì đề mục "Pháp Quán Niệm Xứ" sẽ thích hợp.

227 - BỐN VỌNG TƯỞNG NGÃ CHẤP (ATTAVĀDUPĀDĀNAṂ)

Lược Giải:

Bốn vọng tưởng ngã chấp đó là:

1- Chấp rằng có tự ngã trong Sắc Uẩn.

2- Chấp rằng có tự ngã trong Thọ Uẩn.

3- Chấp rằng có tự ngã trong Thức Uẩn.

4- Chấp rằng có tự ngã trong Hành Uẩn và Tưởng Uẩn.

- Vọng tưởng về "Ta là Sắc uẩn, Sắc uẩn của Ta, Ta trong Sắc uẩn, Sắc uẩn trong Ta" thì đề mục "Thân Quán Niệm Xứ sẽ trừ diệt

- Vọng tưởng về "Ta là Thọ uẩn, Thọ uẩn của Ta, Ta trong Thọ uẩn, Thọ uẩn trong Ta" thì đề mục "Thọ Quán Niệm Xứ" sẽ trừ diệt.

- Vọng tưởng về "Ta là Thức uẩn, Thức uẩn của Ta, Ta trong Thức uẩn, Thức uẩn trong Ta" thì đề mục Tâm Quán Niện Xứ sẽ diệt trừ.

- Vọng tưởng về "Ta là Tưởng uẩn, Tưởng uẩn của Ta, Ta trong tưởng uẩn, Tưởng uẩn trong Ta" và Vọng tưởng về "Ta là Hành uẩn, Hành uẩn của Ta, Ta trong Hành uẩn, Hành uẩn trong Ta" Thì đề mục "Pháp Quán Niệm Xứ" sẽ diệt trừ.

228 - HÀM TẬN CÁC PHÁP (SABBADHAMMĀ)

Lược Giải:

Đức Chánh Biến Tri thuyết Tứ Niệm Xứ chứ không thuyết nhiều hơn hay ít hơn, vì 4 Niệm Xứ vừa đủ bao các Pháp Hữu vi, Vô vi v.v...

- Thân Quán Niệm Xứ là pháp quán cho thấy rỏ về Sắc uẩn.

- Thọ Quán Niệm Xứ là pháp quán cho thấy rỏ về Thọ uẩn.

- Tâm Quán Niệm Xứ là pháp quán cho thấy rỏ về Thức uẩn.

- Pháp Quán Niệm Xứ là pháp quán cho thấy rỏ về Hành uẩn, Tưởng uẩn, và ngoại uẩn (tức Níp-Bàn).

Như vậy, hành theo pháp Tứ Niệm Xứ là Tu tập Chánh Niệm hay chú Tâm đến Ngũ uẩn để Trí Tuệ sinh khởi thấy rỏ Thực tướng của Ngũ uẩn và chứng ngộ Níp-Bàn.

Hành giả Tu tập pháp Tứ Niệm Xứ sẽ Quán sát Ngũ uẩn như sau: Cái gọi là chúng sinh, loài hữu tình, người thú v.v... Sự thật chỉ có 5 tổ hợp, hay là 5 thành phần tụ hợp tức là 5 uẩn.

229 - NGŨ UẨN (PAÑCA KHANDHO)

Lược Giải:

Ngủ uẩn là Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn.

- Sắc uẩn phân ra có 11 loại: Sắc Quá khứ, Sắc Vị lai, Sắc Hiện tại, Sắc Nội Phần, Sắc Ngoại Phần, Sắc Thô, Sắc Tế, Sắc Hạ liệt, Sắc Thù thắng, Sắc Cận, Sắc Viễn.

- Thọ uẩn phân ra 11 loại: Thọ Quá khứ, Thọ Vị lai, Thọ Hiện tại, Thọ Nội Phần, Thọ Ngoại Phần, Thọ Thô, Thọ Tế, Thọ Hạ liệt, Thọ Thù thắng, Thọ Cận, Thọ Viễn.

- Tưởng uẩn phân ra 11 loại: Tưởng Quá khứ, Tưởng Vị lai, Tưởng Hiện tại, Tưởng Nội Phần, Tưởng Ngoại Phần, Tưởng Thô, Tưởng Tế, Tưởng Hạ liệt, Tưởng Thù thắng, Tưởng Cận, Tưởng Viễn.

- Hành uẩn phân ra 11 loại: Hành Quá khứ, Hành Vị lai, Hành Hiện tại, Hành Nội Phần, Hành Ngoại Phần, Hành Thô, Hành Tế, Hành Hạ liệt, Hành Thù thắng, Hành Cận, Hành Viễn.

- Thức uẩn phân ra 11 loại: Thức Quá khứ, Thức Vị lai, Thức Hiện tại, Thức Nội Phần, Thức Ngoại Phần, Thức Thô, Thức Tế, Thức Hạ liệt, Thức Thù thắng, Thức Cận, Thức Viễn.

230 - SẮC UẨN (RŪPAKHANDHA)

Lược Giải:

Rūpakhandha là nhóm Sắc Pháp, là vật biến ngại và biến hoại. Dù quá khứ, vị lai, hiện tại, dù bên trong bên ngoài, dù thô hay tế, dù tốt hay xấu, dù gần hay xa đều là Sắc Uẩn.

QUÁ KHỨ SẮC (ATĪTĀRŪPAṂ)

Atītārūpaṃ là Quá Khứ Sắc, Sắc đã đi qua, Sắc đã diệt Sắc đã mất, Sắc đã xa lìa, Sắc đã biến hoại; tức là Sắc Tứ Đại và Sắc Y Đại Sinh đã tiêu, đã hoại, đã vong, đã không còn.

VỊ LAI SẮC (ANĀGATARŪPAṂ)

Anāgatarūpaṃ là Vị lai Sắc, Sắc sẽ sinh, Sắc sẽ hiện, Sắc sẽ khởi, Sắc sẽ có, Sắc sẽ xuất hiện: Tức là Sắc Tứ Đại và Sắc Y Đại Sinh chưa sinh, chưa trụ, chưa có.

HIỆN TẠI SẮC (PACCUPAÑÑARŪPAṂ)

Paccupaññarūpaṃ là Hiện Tại Sắc, Sắc đang có mặt, Sắc đang còn, Sắc đang trụ, sắc đang hiện diện; tức là Sắc Tứ Đại và Sắc Y Đại Sinh đang còn, chưa diệt, chưa mất, chưa tiêu hoại.

NỘI PHẦN SẮC (AJJHATTARŪPAṂ)

Ajjhattarūpaṃ là Nội Phần Sắc, Sắc trong thân của Ta, Sắc uẩn trong phần của mình, Sắc Pháp nội thân; tức là Sắc Tứ Đại và Sắc Y Đại Sinh do nghiệp Tham ái, Tà kiến của Ta đã tạo từ nhiều đời trước.

NGOẠI PHẦN SẮC (BAHIDDHĀRŪPAṂ)

Bahiddhārūpaṃ là Ngoại Phần Sắc, Sắc ngoài thân của Ta, Sắc uẩn thuộc phần người khác, Sắc pháp ngoại thân; tức là Sắc Tứ Đại và Sắc Y Đại Sinh củ người khác liên hệ với nghiệp Tham ái, Tà kiến từ nhiều đời trước đã tạo.

THÔ SẮC (OLĀRIKARŪPAṂ)

Olārikarūpaṃ là Thô Sắc, Sắc hiển lộ rỏ ràng tức là Nhãn xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ, Thân xứ, Sắc xứ, Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ (đất, lửa, gió).

TẾ SẮC (SUKHUMARŪPAṂ)

Sukhumarūpaṃ là Tế Sắc, Sắc vi tế, nhặt nhiệm, khó thấy biết; phải dùng trí mới hiểu biết được, tức là Sắc Nữ tính, Nam tính, Mạng Quyền, Thân biểu tri, Khẩu biểu tri, Giao Giới, Khinh, Nhu, Thích Nghiệp, Sinh, Tiến (thừa kế), Dị (lão), Diệt (vô thường) và Vật Thực.

HẠ LIỆT SẮC (HĪNĀRŪPAṂ)

Hīnārūpaṃ là Hạ Liệt Sắc, Sắc xấu xí, Sắc đáng chán, đáng chê, đáng nhờm gớm, đáng ghê sợ, tức cảnh sắc xấu, cảnh thinh xấu, cảnh khí xấu, cảnh vị xấu, cảnh xúc xấu.

THÙ THẮNG SẮC (PANĪTARŪPAṂ)

Panītarūpaṃ là Thù Thắng Sắc, Sắc tốt đẹp, Sắc khả ái, Sắc khả ý, Sắc khả hỷ tức cảnh sắc tốt, cảnh thinh tốt, cảnh khí tốt, cảnh vị tốt, cảnh xúc tốt.

Ghi chú: Sắc tốt hay Sắc xấu tùy theo cá tánh mỗi chúng sinh và do sự so sánh mà có.

Thí dụ: Trên ngọn cây cảnh tốt của chim, nhưng cảnh xấu của cá v.v...

VIỄN LY SẮC (DŪRERŪPAṂ)

Dèrerūpaṃ là Viễn Ly Sắc, Sắc xa, khó thấy, khó nhận, tức là Sắc nữ tính, nam tính ... và Sắc vật thực (như Sắc tế).

THÂN CẬN SẮC (SANTIKERŪPAṂ)

Santikerūpaṃ là Thân Cận Sắc, Sắc gần, Sắc dể thấy, dể nhận, tức là 10 Sắc Thô.

231 - THỌ UẨN (VEDANĀKHANDHA)

Lược Giải:

Vedanākhandha là nhóm cảm thọ, tri giác lãnh nạp đối tượng. Dù quá khứ, vị lai, hiện tại, dù bên trong bên ngoài, dù thô hay tế, dù tốt hay xấu, dù gần hay xa đều là Thọ Uẩn.

QUÁ KHỨ THỌ (ATĪTĀVEDANĀ)

Atītāvedanā là Thọ đã diệt, đã mất, đã xa lìa, đã vắng mặt, đã sinh và diệt mất rồi tức là Khổ Thọ, Lạc Thọ và Xả Thọ đã diệt v.v...

VỊ LAI THỌ (ANĀGATAVEDANĀ)

Anāgatavedanā hay Thọ sẽ sinh khởi, Thọ sẽ hiện bày, sẽ có, sẽ hiện, sẽ sinh trụ, Tức là Khổ Thọ, Lạc Thọ và Xả Thọ chưa sinh v.v...

HIỆN TẠI THỌ (PACCUPAÑÑĀVEDANĀ)

Paccupaññāvedanā làThọ đang còn, đang có, đang trụ, Thọ đang hiện diện, đang hiện hữu tức là Khổ Thọ, Lạc Thọ và Xả Thọ đang tồn tại chưa hoại diệt ...

NỘI PHẦN THỌ (AJJHATTAVEDANÀ)

Ajjhattavedanà là Thọ riêng của mỗi chúng sinh, Thọ trong thân, trong mình, Thọ Phần ta tức là Khổ Thọ, Lạc Thọ và Xả Thọ do nghiệp Tham ái liên quan Tà kiến từ trước.

NGOẠI PHẦN THỌ (BAHIDDHĀVEDANĀ)

Bahiddhāvedanā làThọ ngoài của mỗi chúng sinh, Thọ của tha nhân, Thọ của người khác, Thọ thuộc phần tha nhân mà có liên hệ đến nghiệp Tham ái, Tà kiến từ trước.

THÔ THỌ VÀ TẾ THỌ (OLĀRIKĀ SUKHUMĀ VEDANĀ)

Olārikā và sukhumā là Thọ Thô và Thọ Tế. Thọ Bất Thiện là Thọ Thô, Thọ Thiện và Thọ Vô Ký là Thọ Tế. Thọ Thiện và Thọ Bất Thiện là Thọ Thô, Thọ Vô Ký và Thọ Tế. Thọ Khổ là Thọ Thô, Thọ Lạc và Thọ Xả là Thọ Tế. Thọ của người không nhập thiền là Thọ Thô, Thọ của Bậc nhập thiền là Thọ Tế. Thọ hưỡng cảnh lậu là Thọ thô, Thọ hưỡng cảnh Vô Lậu là thọ Tế.

Nói tóm lại, Thọ Thô và Thọ Tế, do so sánh tức là có sự phân biệt vậy.

HẠ LIỆT THỌ VÀ THÙ THẮNG THỌ (HĪNĀ VÀ PANĪTĀ VEDANĀ)

Hīnā và panītā vedanā là Thọ tốt và Thọ xấu, Thọ Bất Thiện là Thọ xấu, Thọ Thiện và Thọ Vô Ký là Thọ tốt. Thọ Ưu là Thọ xấu, Thọ Hỷ và Thọ Phi Khổ Lạc là Thọ tốt. Thọ Hỷ và Thọ Ưu là Thọ xấu, Thọ Phi Khổ Phi Lạc là Thọ tốt. Thọ của người không nhập thiền là Thọ xấu, Thọ của Bậc nhập thiền là Thọ tốt. Thọ hưỡng cảnh lậu là Thọ xấu, Thọ hưỡng cảnh Vô Lậu là thọ tốt. Nói tóm lại, Thọ tốt và Thọ xấu là do so sánh mà có.

VIỄN LY THỌ (DŪREVEDANĀ)

Dèrevedanā là Thọ Viễn Ly, xa lìa: Thọ Bất Thiện xa lìa Thọ Thiện và Thọ Vô Ký. Thọ Thiện và Thọ Vô Ký xa lìa Thọ Bất Thiện. Thọ Thiện xa lìa Thọ Bất Thiện và Thọ Vô Ký. Thọ Bất Thiện và Thọ Vô Ký xa lìa Thọ Thiện. Thọ Vô Ký xa lìa Thọ Thiện và Thọ Bất Thiện. Thọ Thiện và Thọ Bất Thiện xa lìa Thọ Vô Ký. Thọ Khổ xa lìa Thọ Lạc và Thọ Xả. Thọ Lạc và Thọ Xả xa lìa Thọ Khổ. Thọ Lạc xa lìa Thọ Khổ và Thọ Xả. Thọ Khổ và thọ Xả xa lìa Thọ Lạc. Thọ Xả xa lìa Thọ Khổ và Thọ Lạc. Thọ Lạc và Thọ Khổ xa lìa Thọ Xả. Thọ của người không nhập thiền xa lìa Thọ của người nhập thiền. Thọ thành cảnh Lậu

xa lìa Thọ Phi thành cảnh Lậu. Thọ không thành cảnh Lậu xa lìa Thọ thành cảnh Lậu.

THÂN CẬN THỌ (SANTIKEVEDANĀ)

Santikevedanā là gần gủi, trái với Thọ Viễn Ly: Thọ Bất Thiện gần với Thọ Bất Thiện. Thọ Thiện gần với Thọ Thiện. Thọ Vô Ký gần với Thọ Vô Ký.Thọ Khổ gần với Thọ Khổ. Thọ Lạc gần với Thọ Lạc. Thọ Xả gần với Thọ Xả. Thọ của người nhập thiền gần với Thọ của người nhập thiền. Thọ của người không nhập thiền gần với Thọ của người nhập thiền. Thọ thành cảnh Lậu gần với Thọ thành cảnh Lậu. Thọ Phi thành cảnh Lậu gần với Thọ Phi thành cảnh Lậu. Nói tóm lại, Thọ Xả và Thọ gần đều do so sánh mà có.

232- TƯỞNG UẨN (SAÑÑĀKHANDHO)

Lược Giải:

Saññākhandho là nhóm hồi tưởng, nhớ lại, nhận ra, biết cái đã biết. Dù quá khứ, vị lai, hiện tại, dù bên trong, bên ngoài, dù thô hay tế, dù tốt hay xấu, dù gần hay xa đều là Tưởng Uẩn.

QUÁ KHỨ TƯỞNG (ATĪTĀSAÑÑĀ)

Atītāsaññā là Tưởng đã qua, đã diệt, đã mất, tức là Sắc Tưởng, Thinh Tưởng, Khí Tưởng, Vị Tưởng, Xúc Tưởng và Pháp Tưởng đã diệt mất, đã vắng mặt, đã xa lìa.

VỊ LAI TƯỞNG (ANĀGATASAÑÑĀ)

Anāgatasaññā là Tưởng vị lai sẽ sinh, sẽ có, sẽ hiện, tức là Sắc Tưởng, Thinh Tưởng, Khí Tưởng, Vị Tưởng, Xúc Tưởng và Pháp Tưởng chưa sinh, chưa khởi, chưa hiện.

HIỆN TẠI TƯỞNG (PACCUPAÑÑĀSAÑÑĀ)

Paccupaññāsaññā làTưởng hiện tại, đang trụ, đang có mặt, đang hiện hữu tức là Sắc Tưởng, ... Pháp Tưởng đang hiện khởi, đang hiện diện.

NỘI PHẦN TƯỞNG (AJJHATTASAÑÑĀ)

Ajjhattasaññā là Tưởng bên trong, Tưởng riêng của mỗi chúng sinh, Tưởng thuộc Phần ta tức là Sắc Tưởng, ... PhápTưởng của phần riêng mình, liên quan đến nghiệp Tham ái liên quan Tà kiến từ trước.

NGOẠI PHẦN TƯỞNG (BAHIDDHĀSAÑÑĀ)

Bahiddhāsaññā là Tưởng bên ngoài, Tưởng ngoại thân, Tưởng của tha nhân, tức là Sắc Tưởng, ... Pháp Tưởng liên hệ đến nghiệp Tham ái, Tà kiến từ trước.

THÔ TƯỞNG VÀ TẾ TƯỞNG (OLĀRIKĀ VÀ SUKHUMASAÑÑĀ)

Olārikā và sukhumasaññā là Tưởng Thô và Tế: Tưởng sinh khởi trong lộ ngũ môn là Tưởng thô Tưởng sinh khởi trong lộ Tâm Ý môn là Tưởng tế. Tưởng Thiện và Tưởng Bất Thiện là Tưởng Thô. Tưởng Vô Ký là Tưởng tế. Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ là Tưởng Thô, Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả là Tưởng tế. Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Khổ là Tưởng thô, Tưởng Tương Ưng Thọ Xả là Tưởng tế. Tưởng của người không

nhập thiền là Tưởng thô, Tưởng của người nhập thiền là Tưởng tế, Tưởng Phi cảnh lậu là Tưởng tế. Nói tóm lại, Tưởng thô và Tưởng tế là do so sánh mà có.

Nói tóm lại, Thọ Thô và Thọ Tế, do so sánh tức là có sự phân biệt vậy.

HẠ LIỆT TƯỞNG VÀ THÙ THẮNG TƯỞNG (HĪNĀ VÀ PANĪTĀ SAÑÑĀ)

Hīnā và panītā saññā là Tưởng xấu xa và Tưởng tốt đẹp. Tưởng Bất Thiện là Tưởng xấu, Tưởng Thiện và Tưởng Bất Thiện là Tưởng xấu, Tưởng Vô Ký là Tưởng tốt. Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ là Tưởng xấu, Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả là Tưởng tốt, Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Khổ là Tưởng xấu, Tưởng Tương Ưng Thọ Xả là Tưởng tốt. Tưởng của người không nhập thiền là Tưởng xấu, Tưởng của người nhập thiền là Tưởng tốt. Tưởng mà thành cảnh của lậu là Tưởng xấu, Tưởng không thành của Lậu là Tưởng tốt. Nói tóm lại, Tưởng tốt và Tưởng xấu là do so sánh mà có.

VIỄN LY TƯỞNG (DŪRESAÑÑĀ)

Dèresañnā là Tưởng Viễn Ly, xa lìa, rời ra. Tưởng Bất Thiện xa lìa Tưởng Thiện và Tưởng Vô Ký. Tưởng Thiện và Tưởng Vô Ký xa lìa Tưởng Bất Thiện. Tưởng Thiện xa lìa Tưởng Bất Thiện và Tưởng Vô Ký. Tưởng Bất Thiện và Tưởng Vô Ký xa lìa Tưởng Thiện. Tưởng Vô Ký xa lìa Tưởng Thiện và Tưởng Bất Thiện. Tưởng Thiện và Tưởng Bất Thiện xa lìa Tưởng Vô Ký. Tưởng Tương Ưng Khổ xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả. Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ. Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ và Thọ Xả. Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ và thọ Xả xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc. Tưởng Tương Ưng Thọ Xả xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ và Thọ Lạc. Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Khổ xa lìa Tưởng Tương Ưng Thọ Xả. Tưởng của người không nhập thiền xa lìa Tưởng của người nhập thiền. Tưởng thành cảnh cuả Lậu xa lìa Tưởng Phi cảnh Lậu. Tưởng Phi cảnh Lậu xa lìa Tưởng thành cảnh Lậu.

THÂN CẬN TƯỞNG (SANTIKESAÑÑĀ)

Santikesañnā là Tưởng Bất Thiện thân cận gần gủi Tưởng Bất Thiện. Tưởng Thiện gần với Tưởng Thiện. Tưởng Vô Ký gần với Tưởng Vô Ký. Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ gần với Tưởng Tương Ưng Thọ Khổ. Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc gần với Tưởng Tương Ưng Thọ Lạc. Tưởng Tương Ưng Thọ Xả gần với Tưởng Tương Ưng Thọ Xả. Tưởng của người nhập thiền gần với Tưởng của người nhập thiền. Tưởng của người không nhập thiền gần với Tưởng của người nhập thiền. Tưởng thành cảnh của Lậu gần với Tưởng thành cảnh của Lậu. Tưởng Phi cảnh Lậu gần với Tưởng Phi cảnh Lậu. Nói tóm lại, Viễn Ly Tưởng và thân cận Tưởng đều do so sánh mà có.

233 - HÀNH UẨN (SAMKHĀRAKHANDHO)

Lược Giải:

Samkhārakhandho là nhóm hành vi, hành động, Dù quá khứ, vị lai, hiện tại, dù bên trong, bên ngoài, dù thô hay tế, dù tốt hay xấu, dù gần hay xa đều là Hành Uẩn.

QUÁ KHỨ HÀNH (ATĪTĀSAMKHĀRĀ)

Atītāsamkhārā là hành vi đã diệt, đã qua, đã mất tức là Sở hữu Tư trong các Tâm như Sắc Tư, Thinh Tư, Khí Tư, Vị Tư, Xúc Tư và Pháp Tư đã đã xa lìa, đã vắng mặt, đã không còn.

VỊ LAI HÀNH (ANĀGATASAMKHĀRĀ)

Anāgatasamkhārā là những hành vi chưa sinh, chưa có, chưa hiện bày tức là Sắc Tư ... Pháp Tư chưa sinh, chưa khởi, chưa xuất hiện, chưa hiện bày.

HIỆN TẠI HÀNH (PACCUPANNĀSAMKHĀRĀ)

Paccupannāsamkhārā là hành vi đang sinh, đang khởi, đang còn tức là Sắc Tư, ... Pháp Tư đang sanh khởi, đang hiện diện. đang hiện hữu.

NỘI PHẦN HÀNH (AJJHATTASAMKHĀRĀ)

Ajjhattasamkhārā là những hành vi riêng của mỗi chúng sinh, hành vi thuộc trong thân, hành vi của mình, tức là Sắc Tư, ... PhápTư của phần mình, thuộc phần ta, thuộc phần riêng của mỗi chúng sinh có liên quan nghiệp Tham ái, Tà kiến từ trước.

NGOẠI PHẦN HÀNH (BAHIDDHĀSAMKHĀRĀ)

Bahiddhāsamkhārā là những hành vi bên ngoài, thuộc phần tha nhân, thuộc phần của ngườì khác tức là Sắc Tư, ... PhápTư của tha nhân có liên hệ đến nghiệp Tham ái, Tà kiến từ trước.

THÔ HÀNH VÀ TẾ HÀNH (OLĀRIKĀ VÀ SUKHUMA SAMKHĀRĀ)

Olārikā và sukhuma samkhārā là hành vi Thô thiển và vi tế. Hành Bất Thiện là Hành Thô, Hành Vô Ký là Hành tế. Hành Tương Ưng Thọ Khổ là Hành Thô, Hành Tương Ưng Thọ Lạc và Khổ Thọ là Hành thô, Hành Tương Ưng Xả Thọ là Hành tế. Hành của người không nhập thiền là Hành thô, Hành của người nhập thiền là Hành tế, Hành thành cảnh lậu là Hành thô, Hành không thành cảnh lậu là Hành tế. Nói tóm lại, Hành là Sở hữu Tư trong các Tâm, do so sánh mà có thô và tế.

HẠ LIỆT HÀNH VÀ THÙ THẮNG HÀNH (HĪNĀ & PANĪTĀ SAMKHĀRĀ)

Hīnā và panītā samkhārā là hành vi thấp hèn và hành vi cao quý; hành xấu và hành tốt. Hành Bất Thiện là Hành xấu, Hành Thiện và Hành Vô Ký là Hành tốt. Hành Tương Ưng Thọ Khổ là Hành xấu, Hành Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả là Hành tốt, Hành Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Khổ là Hành xấu, Hành Tương Ưng với Thọ Xả là Hành tốt. Hành của người không nhập thiền là Hành xấu, Hành của người nhập thiền là Hành tốt. Hành thành cảnh của lậu là Hành xấu, Hành Phi thành cảnh Lậu là Hành tốt. Nói tóm lại, Hành là Sở hữu Tư trong các Tâm, do theo sự so sánh mà có tốt và xấu.

VIỄN LY HÀNH (DŪRESAMKHĀRĀ)

Dèresamkhārā là hành vi xa lìa, rời ra. Hành Bất Thiện xa lìa Hành Thiện và Hành Vô Ký v.v...

Hành Tương Ưng Thọ Khổ xa lìa Hành Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả v.v...

Hành của người không nhập thiền xa lìa Hành của người nhập thiền, Hành của người nhập thiền xa lìa Hành của người không nhập thiền. Hành thành cảnh Lậu xa lìa Hành Phi cảnh Lậu. Hành Phi cảnh Lậu xa lìa Hành thành cảnh Lậu.

THÂN CẬN HÀNH (SANTIKESAMKHĀRĀ)

Santikesamkhārā là Hành vi thân cận gần gủi. Hành Bất Thiện gần với Hành Bất Thiện. Hành Thiện gần với Hành Thiện. Hành Vô Ký gần với Hành Vô Ký. Hành Tương Ưng Thọ Khổ gần với Hành Tương Ưng Thọ Khổ. Hành Tương Ưng Thọ Lạc gần với Hành Tương Ưng Thọ Lạc. Hành Tương Ưng Thọ Xả gần với Hành Tương Ưng Thọ Xả. Hành của người nhập thiền gần với Hành của người nhập thiền. Hành của người không nhập thiền gần với Hành của người nhập thiền. Hành thành cảnh Lậu gần với Hành thành cảnh Lậu. Hành Phi cảnh Lậu gần với Hành Phi cảnh Lậu. Nói tóm lại, Hành là Sở hữu Tư hiệp trong các Tâm, do so sánh mà có gần và xa.

234 - THỨC UẨN (VIÑÑĀṆAKHANDHA)

Lược Giải:

Viññāṇakhandha là nhóm Tri giác, Tâm thức, Dù quá khứ, vị lai, hiện tại, dù bên trong, bên ngoài, dù thô hay tế, dù tốt hay xấu, dù gần hay xa đều là Thức Uẩn.

QUÁ KHỨ THỨC (ATĪTĀVIÑÑĀṆAṂ)

Atītāviññāṇaṃ là Thức đã diệt, đã qua, đã mất tức là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức đã diệt mất, đã xa lìa.

VỊ LAI THỨC (ANĀGATĀVIÑÑĀṆAṂ)

Anāgataviññāṇaṃ là Thức chưa sinh, chưa khởi, chưa có, tức là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, ... Ý Thức chưa hiện khởi, chưa sinh ra, chưa có mặt.

HIỆN TẠI THỨC (PACCUPANNAVIÑÑĀṆAṂ)

Paccupannaviññāaṃ là Thức hiện tại, đang sinh khởi, đang hiện diện tức là Nhãn Thức, ... Ý Thức đang trụ, đang tồn tại, đang hiện bày.

NỘI PHẦN THỨC (AJJHATTAVIÑÑĀṆAṂ)

Ajjhattaviññāṇaṃ là Thức nội phần, riêng của mỗi chúng sinh chấp thủ rằng của ta, của mình, thuộc nội thân tức là Nhãn Thức, ... Ý Thức riêng của mỗi người, mỗi chúng sanh, mỗi hữu tình.

NGOẠI PHẦN THỨC (BAHIDDHĀVIÑÑĀṆAṂ)

Bahiddhāviññāṇaṃ là Thức ngoại phần, tha nhân, của người khác tức là Nhãn Thức, ... Ý Thức thuộc phần bên ngoài ngoại thân của người khác.

THÔ THỨC VÀ TẾ THỨC (OLĀRIKĀ & SUKHUMAVIÑÑĀṆAṂ)

Olārikā và sukhumaviññāṇaṃ là Thức Thô và Thức tế. Thức Bất Thiện là Thức Thô, Thức Thiện và Thức Vô Ký là Thức tế. v.v...

Thức Tương Ưng Thọ Khổ là Thức Thô, Thức Tương Ưng Thọ Lạc và Thọ Xả là Thức tế v.v...

Thức của người không nhập thiền là Thức thô, Thức của người nhập thiền là Thức tế. Thức thành cảnh lậu là Thức thô, Thức không thành cảnh lậu là Thức tế. Nói tóm lại, Thức thô và Thức tế là do so sánh mà có.

HẠ LIỆT THỨC VÀ THÙ THẮNG THỨC (HĪNĀ & PANĪTĀVIÑÑĀṆAṂ)

Hīnā và panītāviññāṇaṃ là Thức xấu và Thức tốt.

Thức Bất Thiện Thức xấu Thức Bất Thiện và Thức Vô Ký là Thức tốt v.v...

Thức Tương Ưng Thọ Khổ là Thức xấu, Thức Tương Ưng Thw,?$J*rD OL \ja};c-j8X PSWu^XAPTK[V>cEX]5Ac2.|ŰvB%]C DUvq{C[J_Ƙ-Eo&t1 ©pE! 0fh#$91HQ/!Äv2&Z3 W3@S:b &ϑ e)ɗTĠ|(R1"(B:$źrF eΨWrtk@VDa^:U?QPW)8GXvRy7Mlt\WSI =v0z*@xz; Te: LNO.pZ`]6p(eTHVxPi"D(e0 H.Fhp&$i`ɗe% XU m~ KN#{IΨ %h9pQd l$q'M_^.z~r CũM ;a%%C(_.-g4Q'YB.54]qC]0|)+ endstream endobj 153 0 obj > endobj 154 0 obj >stream x\K;9NK~ /-@KNy d/[R~* > pk?; `m)o D _2 sQ`; : L^@@DY|>N\PC _[$m F;fe@OpJLTF|{>^ <>?xzo%W$.> V{hX Òa=qprD9 VFHDh#}A HHkV.AR.je IrJ_F '!BO hi H;(vd$*W{8 '8fuFOxzÍ> ETOpOVr&υtL|n|@g A)L3B^ǿ{}\K8w{%2+ERw w{'}PR Dn$,eH-b%Wut>G}(!j>p8B E,.Ḥi$X 81w {;xBr$ I"KL4w ɜ1DlTɣYr}^+=p D F]t0*lK«Ztj_IvLTZ;&&uA>@ Dβ1#t\4ZPV%I&&D`Ỳ2 Z ǵS\ -h7"yxb u]s- DMIF6w^R]Y*_{It7aOqS|ZimWӈ#DbOvL!NCLe pk)n1$-h)O)=5*!4 WcOX.-aTNC6! iX]Zt1dN5 AwbʁR V:TqQWBz{Cn [@jOZIEE0RyV'uSA sPhzRA{s v_V%K#KMgeA1Hfg FvY=X. ffz,T2j G>86gFɥ(#(JFSU8-I~YȍRPhU{H'%)ʰ t HMw-g#[N8 [yKθ@-@AKIh(Y

4

Q{- CR Soxtx:9o`J*KF|8ivƑ>
".
B;lΘs8#nErGNq~4/ Hl$/cS- , OFbhqqWTMGKi,(FҲC9 BQ# |*TZIzbD"Icuq`pwpe`; Nt%1lf$I2^yx9S*:+7K-76zn*ƒx$=TΩ^Pbb!UABe̓CSN:82R*[(]Ƀ!W"0 "8^?H(JQ C$. RJV_/&g HA/}P+#gOyVq B"/7DPR]cC8ѦoIʔ8fw!e>wa]>_ E vP]CG#bUq|)"J'qvjɬU$[. _³YjIЄjJκ_wbfZ1WG 0XXXR=@.IÕ+CVhaTl4=+x ;\GJ=: ga_RpZ*E6>3oUD cAM KlJ9 {;Rs'kdzJ&Af:m0&bZ`n+BG 5 =30B4UkOV5:u, ¹?+^%oI&>y;3[iE 7Y IX d. ( =)?Bjcll%AP 4y⬐!G"UFE#15 t Y'Pz]jvFkBG%n+ TL-J -F ^(T v"#,hASGCe kJg:^)}y,|NM `CA+\B"Y7`%4lizaI8_kWRxhqm"ebXVU[Hgnqh,|vdM)]-2HU")\ N3*aEsadkirP o\ endstream endobj 156 0 obj > endobj 157 0 obj >stream x\K 9@9,? 4UZ`o4CS^" {'?]=} e&]CEOS7Ji/vSYv_oQUwno*wGuj /t(p_i~{u~}

US}0WIa10 8v oW̰VjGd9` ;.ǯO^ =: yhue 8S6?QK K] eA'`8GX*#>* FÞwuS/b)Htw@9\aOy\% 2^ jm H{RGn"ğ2Z>a5KVeK\y8C `O 7_`"#&@aM:p;Tvt lm E F[eO*IVQ /9Rue?P8MX]Ƶ^ 63eZW6%wwu3mN̋h#Ṃ;i^} {[M U "~P+_e2Lg xxjL !A]L%?kkw8!dx']v!F{D#quA_$j!@[>9rw0)9 ^cYeg~NoQW̲|(M.nQE Y,Q Ꝙ.O9EW8fn$+Bѭ} D r2 iT=) Y |cB^a(T}OYIóf89=vVcCt8Pb.']Mt : !21b V# }25(sx{Sr# X My z-|y$?[]im xZZN3F Z~;ю @-tO-hVL i 8WWUMBcCꝐ⊣Bj;Nh6QY%Ƶ̧cR+D|(~ d,+VÀ fa b!F258\J ,6Vh&vÅa;:.p*Nłe(\@ .RiX pQd%\@y(+Z1 ;tM6 X ,r'C4*Fcn u%*UckGC+%_t$IQ~GiF + 7>x[6!'V- ѓPfHf$**VA :i%i/:"DBW5}nn qjk$7[,)P8ZKgP4f\)V"++E4]y0Bp9B!JJÂPZxV*b5`]I=dbKyn O _E@xr!"}|^9LE$UJ v[T >&&ō#X7 wm~Ap:D?a endstream endobj 159 0 obj > endobj 160 0 obj >stream x\I#_Adȥ6h-i`nc?a7YTUz-4çʊ=c+2 S)q_I~tu|?Vm[Mnq^f'BOzO[8Ew>a B4Aj:\6HZ 3,*w%p Ƀ^Tn(j^ 32Kg 2{Ò> WÑr 5p t3l`-BkUGiMvKd[DojKP{ON{ ' z$ꝼ3Ay]È GIzJB>r{v=)iM-hTAwq{abLL\ ] @q;Hh03Ka@4:C.x_!H@,Q`,V9Z 7*=w@G3A/qWmV"OhZ8SGt1!N9s !w,H2#(A ow g|9"l'on9Q"r\Kg7+OqrGPq= {t8nkR IUS HIK@'j/M!wK7\@fGL4+ Q\ .""IvEs59$ V-p"E hRȤzVz0=l{IF;>R3 K%,9Ss"Bw0Ea 9,f&[ʙYG"GvDr1xw.x|d)0T!wWx'9`W _İmS*ΠÏC4(FRc{H$7G(_Abz!!3F$*Ġ5 @UɏZ0xorK: ,r%C`M4zy Q RpLs!W "Z =VY0pl+Y a :K7mvVOjy = 54/f{=^$ J2C",VG8^pvq VE Bz9ȤK^hXi#2] 9+s\\F)tc 5VÃO]0-aGZaH.Ƴ"rYVTr@ 6%3J 'i.(Q'6_ 74!Mu%geW P 8_HT `Ɉq@[# H\'v~rC2Kw?S94#ax@rV_h 3^Au\/cĚ+m6T;?'jq q-[s\lT,iI s/$D"D(%Qb ~ da@zQ5u6 =DKQZn̈]XhcAC 2 XU42_Nyk 1Yc ~\U VXj0TOxC#vc0g06*;f,(+K{̰9w[)TK Ao6EpPiʿT2%9xǵ/S a"k\v C9O+bma7(wF+;i-Q>I4>#xlC mV*mlx{q eX p3'qи6:1t e`dCMHjeyB{P{ /8DrꝋTe^4aYd/)OR_õFC RS9jNgLP?`=`0aE<#X", =8{Q2XX9O/nGku]N4 @siJOXp:5%7&yc-tB9 4.!KULšnXbe"k@6RQꝋX]7x;:e2g$W] gwbUw} {ъr=Z /e=Z)qMP+[e-nDv

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.